

Giáo dục và đào tạo với phát triển nguồn nhân lực Việt Nam

GS.TS. CHU VĂN CẤP

Học viện CT-HCQG Hồ Chí Minh



1. Nhân lực, nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực

Nhân lực được hiểu là sức lực của con người làm cho con người hoạt động. Quan niệm này phù hợp với quan niệm của C.Mác về sức lao động. C.Mác viết: Sức lao động là tổng thể về thể lực, trí lực của con người được sử dụng trong quá trình lao động. Nhân lực là yếu tố vật chất, là yếu tố tiên quyết của quá trình sản xuất là chủ thể tích cực của tất cả các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá- xã hội ... Do đó, ngày nay khi đề cập đến nguồn nhân lực dưới góc độ nguồn lao động, người ta nói đến vốn nhân lực (Human Capital).

Vốn nhân lực được hiểu là tiềm năng và khả năng phát huy tiềm năng về sức khoẻ, kiến thức của cá nhân và là cái mang lại lợi ích tương lai cao hơn lợi ích hiện tại (Barrdhan & Urdy – 1999). Khái niệm vốn ở đây được hiểu là giá trị mang lại lợi ích kinh tế - xã hội, tức là giá trị sức lao động, nó phụ thuộc vào thể lực, trí lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp ... của người lao động. Vì vậy,

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 2011) ghi: “Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng trong phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người VN”

(*Đảng Cộng sản VN: Văn kiện Đại hội lần thứ XI, NXB CTQG, H.2011, tr.77*)

để thành vốn nhân lực con người phải được giáo dục và đào tạo để có được những tri thức, kiến thức chuyên môn ngày càng cao và sức khoẻ tốt.

Nguồn nhân lực (NNL): Nói đến NNL người ta thường quan tâm đến 3 yếu tố: số lượng, chất lượng và cơ cấu NNL, trong đó đặc biệt quan tâm đến chất lượng NNL, bao gồm các yếu tố sau đây:

- Tri thức, trí tuệ là yếu tố tối cần thiết của mỗi con người.

- Năng lực hoạt động của con người biểu hiện ở khả năng áp dụng những thành tựu khoa học – công nghệ, sự nhạy bén thích nghi nhanh, làm chủ được những công nghệ - kỹ thuật hiện đại và khả năng sáng tạo, đổi mới khoa học – công nghệ. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, nhân lực phải có năng lực hội nhập quốc tế và thích ứng với những biến đổi

do toàn cầu hoá gây ra. Trong bối cảnh khủng hoảng sinh thái toàn cầu thì đòi hỏi người lao động phải có sự hiểu biết và trách nhiệm cao trong việc bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường sinh thái vì sự phát triển bền vững.

- Sức khoẻ được hiểu không chỉ là tình trạng không có bệnh tật, mà còn là sự hoàn thiện về mặt thể chất và tinh thần. Mọi người lao động dù chân tay hay trí óc đều cần có sức vóc thể chất tốt để duy trì và phát triển trí tuệ, để chuyển tải tri thức vào hoạt động thực tiễn, biến tri thức thành sức mạnh vật chất. Mặt khác, cần có sự dẻo dai của hoạt động thần kinh, niềm tin và ý chí khả năng vận động của trí lực trong những điều kiện khó khăn và khắc nghiệt.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói khái quát về chất lượng NNL như sau: Con người nếu chỉ có phẩm

chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng mà thiếu kiến thức, tri thức, tức là có đức mà không có tài thì chẳng khác gì ông Bụt ngồi trên toà sen, không làm điều gì xấu nhưng chẳng làm điều gì có ích cho đời.

2. Phát triển nguồn nhân lực thực chất là phát triển giáo dục và đào tạo

Từ cách tiếp cận, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội; các nhà nghiên cứu đưa ra khái niệm phát triển con người, đó là sự mở rộng phạm vi hoạt động của con người (sản xuất và ngoài sản xuất, các hoạt động phi kinh tế), là sự nâng cao năng lực thể chất và tinh thần, trí tuệ của con người, sức khỏe, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kinh nghiệm làm việc, năng lực tiếp cận khoa học - công nghệ ... Phát triển con người được đánh giá bằng chỉ số phát triển con người (HDI).

Từ tiếp cận nguồn vốn nhân lực thì phát triển NNL được hiểu là các hoạt động (đầu tư) phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ nhằm tạo ra NNL với số lượng, chất lượng cao và cơ cấu hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời đảm bảo sự phát triển của mỗi cá nhân; nâng cao sức khỏe, trí tuệ, đạo đức, năng lực chuyên môn kỹ năng nghề nghiệp... để tăng năng suất lao động, tăng thu nhập, nâng cao đời sống.

Như vậy, phát triển con người và phát triển NNL có sự khác nhau về các tiếp cận nghiên cứu, còn về nội hàm lại có nội dung giống nhau. Phát triển và nâng cao chất lượng NNL về thực chất là phát triển giáo dục-đào tạo, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo.

Lý luận và thực tiễn đều khẳng

định giáo dục và đào tạo là “nhân tố cốt lõi”, “cơ bản” tạo nên chất lượng NNL. Giáo dục, đào tạo và phát triển NNL có mối quan hệ gắn bó với nhau rất chặt chẽ. Giáo dục, đào tạo là một trong các biện pháp cơ bản nhất để tạo chất lượng NNL, đồng thời chất lượng NNL càng trở thành mục tiêu hàng đầu của phát triển giáo dục, đào tạo. Đại hội lần thứ XI của Đảng đã chỉ rõ: “Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển NNL, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người VN “giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi, sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính”¹.

3. Thực trạng nguồn nhân lực và yêu cầu đối với giáo dục và đào tạo nước nhà

3.1. Thực trạng nguồn nhân lực nước ta

3.1.1. Về số lượng

VN đang có NNL dồi dào về số lượng với dân số trung bình trong cả nước năm 2011 là 87,84 triệu người, nước đông dân thứ 3 trong khu vực và thứ 13 trên thế giới. Trong đó, số người lao động từ 15 tuổi trở lên, năm 2011 là 51,39 triệu người; lực lượng lao động trong độ tuổi 46,48 triệu người. Cơ cấu lao động (năm 2011) là như sau: Trong ngành nông - lâm - thủy sản: 48%/ tổng số lực lượng lao động, công nghiệp và xây dựng chiếm 22,4% và dịch vụ: 29,6%². Thế nhưng, yếu tố lao động chỉ đóng góp dưới 20% vào tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2001-2010. Nguồn lao động đóng góp ít vào tăng trưởng kinh tế phản ánh những bất cập sau

đây:

Thứ nhất, chưa tận dụng hết lực lượng lao động vào hoạt động kinh tế. Trong giai đoạn 2006-2010, tốc độ tăng trưởng việc làm bình quân 2,4%/năm, trong khi tốc độ tăng trưởng lao động bình quân 2,8%/năm. Kết quả là tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và tỷ lệ sử dụng lao động ở nông thôn vẫn không được cải thiện³.

Thứ hai, chất lượng lao động thấp.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có tăng lên qua các năm nhưng còn thấp xa so với yêu cầu phát triển và so với các nước. Năm 2003, tỷ lệ lao động qua đào tạo là 21%, năm 2004 tăng lên 22,5%, năm 2005: 25,6%, năm 2008 đạt 29,5% và năm 2010 đạt 32%³.

- Thiếu hụt lao động có kỹ năng, theo Báo cáo thảo luận của đại diện Phòng thương mại Mỹ (Amcham), tại Diễn đàn doanh nghiệp VN, tháng 6/2010, khoảng 65% lực lượng lao động VN không có kỹ năng và khoảng 78% dân số trong độ tuổi 20-24 không được đào tạo hoặc thiếu các kỹ năng cần thiết.

Thứ ba, năng suất lao động rất thấp

Thời kỳ 1986-2010, năng suất lao động của VN tăng trung bình 4,67%/năm, các nước ASEAN là 3,73%/năm. Giai đoạn 2001-2010, năng suất lao động của VN tăng trung bình 5,53%/năm, nhưng thấp hơn nhiều so với Trung Quốc (7,26%/năm). Về mặt tuyệt đối, VN vẫn là quốc gia có năng suất lao động thấp trong khu vực Đông Nam Á. Ví dụ, năm 2009-2010, năng suất lao động của VN chỉ tương đương 52,6% của Trung Quốc, 40% của Thái Lan, 14,9%

3. GS.TS Nguyễn Kế Tuấn (CB, 2011): Kinh tế VN năm 2010. Nhìn lại mô hình tăng trưởng giai đoạn 2001-2010, NXB ĐHKQTĐ, H.2011, tr.113, 114, 116, 117.

1. Đảng Cộng sản VN: Văn kiện Đại hội lần thứ XI, Nxb CTQG, H.2011, tr.76, 77.
2. Chinhphu.vn

của Singapore và 9% của Mỹ⁴.

3.1.2. Về chất lượng

- Hiện nay, nhân lực phổ thông vẫn chiếm số đông, thiếu hụt các chuyên gia, các nhà quản trị cao cấp, công nhân kỹ thuật ... ở tất cả các ngành nghề, lĩnh vực, đặc biệt là trong các ngành trọng điểm và mũi nhọn của nền kinh tế.

- NNL nông dân, trong số 21,264 triệu lao động nông thôn trong độ tuổi lao động trên phạm vi cả nước, có đến 20,765 triệu người (chiếm 97,65%) chưa qua đào tạo và không có chứng chỉ chuyên môn; người có bằng sơ cấp, công nhân kỹ thuật chiếm 1,26%, trung cấp 0,87%, đại học, cao đẳng: 0,22%.

- NNL công nhân có 9,5 triệu người, chiếm 11% dân số cả nước, 21% lực lượng lao động xã hội⁴. Theo TS Nguyễn Mạnh Thắng, Viện công nhân – công đoàn, hiện nay giai cấp công nhân nước ta chiếm 13,5% dân số, 26,46% lực lượng lao động xã hội⁵. Tuy vậy, giai cấp công nhân đang đứng trước những khó khăn, thách thức lớn. Trình độ học vấn, chuyên môn nghề nghiệp nói chung còn thấp so với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Cơ cấu đội ngũ công nhân còn mất cân đối nghiêm trọng; thiếu công nhân lành nghề, kỹ sư công nghệ cao, các nhà quản lý giỏi; thừa công nhân lao động giản đơn.

- Đội ngũ trí thức, trong những năm gần đây, đội ngũ trí thức VN tăng khá mạnh, chỉ tính riêng số sinh viên cũng cho thấy sự tăng nhanh vượt bậc, năm 2001 khoảng 800.000, năm 2009 là 1.719.499 đưa tỷ lệ sinh viên/1 vạn dân tăng nhanh, năm 2009 là 195 sinh viên/1 vạn dân, năm 2010 đạt 200 sinh

viên/1 vạn dân.

Số trí thức có trình độ tiến sĩ, tiến sĩ khoa học cũng tăng nhanh. Theo thống kê năm 2008 cả nước có 14.000 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học.

Theo thống kê của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước, từ năm 1980 đến tháng 11/2011, số lượt người được công nhận chức danh và công nhận đạt tiêu chuẩn giáo sư là 1.459 người và phó giáo sư là 8.048.

Thế nhưng lực lượng cán bộ khoa học đầu đàn, nhất là trong lĩnh vực tham mưu hoạch định chính sách, pháp luật quốc tế, tài chính-ngân hàng, bảo hiểm, thương mại điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí - tự động hoá, công nghệ sinh học ... còn thiếu nghiêm trọng. Theo một nghiên cứu quốc tế, VN là quốc gia đứng đầu trong khu vực có tỷ lệ giáo sư, tiến sĩ, số sinh viên/1 vạn dân ... nhưng lại thấp nhất trong khu vực về trình độ ngoại ngữ, khoa học – công nghệ.

- Đội ngũ chủ doanh nghiệp, theo kết quả điều tra 63.000 doanh nghiệp ở 36 tỉnh thành phố, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2008, tỷ lệ giám đốc doanh nghiệp có trình độ thạc sĩ là 2,99%, đại học: 37,82%, cao đẳng: 3,56%; trung học chuyên nghiệp: 12,33%, tốt nghiệp phổ thông trung học trở xuống: 43,3%.

Tóm lại, được coi là quốc gia có lợi thế về NNL dồi dào, nhân lực cần cù, thông minh và có khả năng tiếp thu nhanh những thành tựu khoa học – công nghệ mới, hiện đại, nhưng chất lượng NNL lại thấp kém. Theo Diễn đàn kinh tế thế giới, năm 2005, NNL VN về chất lượng được xếp thứ 53/59 nước được khảo sát. Theo Ngân hàng Thế giới, nếu theo thang điểm 10

thì chất lượng NNL VN chỉ là 3,79 điểm, xếp thứ 11/12 nước châu Á tham gia xếp hạng.

3.1.3. Về cơ cấu nguồn nhân lực

- Mất cân đối cơ cấu đào tạo: tỷ lệ người tốt nghiệp các cấp đào tạo ở VN hiện nay là ngược với thế giới. Trên thế giới, tỷ lệ lao động có trình độ đại học - trung cấp- công nhân là 1-4-10, ở VN là: 1-0,98-3,02. Và cứ 1 vạn dân có 195 sinh viên, trong khi đó thế giới là 100, của Trung Quốc là 140, mặc dù GDP/người của Trung Quốc gấp 2 lần của VN. Cơ cấu nhân lực có trình độ đại học, cao đẳng trở lên so với tổng số lao động của từng vùng trong cả nước không đều: Vùng Đồng bằng sông Hồng chỉ chiếm 22,6% lao động làm việc, nhưng có đến 35% số lao động có trình độ đại học, cao đẳng tập trung ở đây; vùng Đông Nam Bộ có con số tương ứng là: 16% và 23,1%, vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 20,4% và 9,9%⁶.

- NNL hiện nay của đất nước ta được đánh giá là chưa đáp ứng được yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, chưa có những đóng góp đáng kể để tăng năng suất lao động xã hội, cải thiện năng lực cạnh tranh và thoát khỏi “bẫy thu nhập trung bình” (tình trạng bất lực không thoát ra khỏi mô hình kinh tế dựa trên lao động rẻ và phương pháp sản xuất với công nghệ thấp). Đại hội lần thứ XI của Đảng đã coi sự yếu kém của NNL là một trong các “điểm nghẽn” của sự phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Nguyên nhân của tình hình là: Do sự tụt hậu về phát triển kinh tế so với các nước trong khu vực và thế giới; sự lạc hậu về trình độ khoa học – công nghệ của đất nước; hệ

4. Báo Lao động, ngày 15-1-2011.

5. T/C Cộng sản điện tử, ngày 30-9-2011.

7. Nguyễn Ngọc Tú, tóm tắt luận án TSKT, 2012.



thống giáo dục – đào tạo quá chậm đổi mới, chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đào tạo NNL trình độ cao còn hạn chế. Theo bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu, năm 2008 của Ngân hàng thế giới cho thấy yếu tố đào tạo đại học của VN xếp hạng 98 và chất lượng của hệ thống giáo dục, xếp thứ 120/130 quốc gia được xếp hạng.

3.2. Những yêu cầu cần thiết đối với giáo dục và đào tạo về phát triển nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay

Để thực hiện mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. VN cần có NNL đủ về số lượng, chất lượng cao và có một cơ cấu hợp lý đáp ứng yêu cầu đa dạng, đa tầng của công cộng và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề.

Theo đó, yêu cầu đối với giáo dục và đào tạo trong việc đào tạo NNL nhất là NNL chất lượng cao như sau:

Một là, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, trung thực, đảm bảo công bằng trong giáo dục, khắc phục xu hướng, thương mại hoá giáo dục thông qua khẩu hiệu “xã hội hoá” vốn chưa minh bạch,

rõ ràng như hiện nay. thực hiện tốt bình đẳng về cơ hội học tập và các chính sách xã hội trong giáo dục, ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, miền núi. Coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp cơ học sinh, sinh viên ...

Hai là, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, đặc biệt là giáo dục đại học và cao đẳng, với những định hướng chủ yếu:

(1) Đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại, phù hợp với thực tiễn VN. Trong ngắn hạn, khắc phục tình trạng thiếu giáo trình, sách giáo khoa, trang thiết bị, cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết phục vụ cho dạy và học. Hiện nay công nghệ giáo dục trên thế giới luôn luôn phát triển và đổi mới, nếu những điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, máy móc, thiết bị phục vụ cho dạy và học tập ở nước ta được tăng cường thì chắc chắn chất lượng giáo dục, đào tạo sẽ được nâng cao.

(2) Cơ cấu lại hệ thống giáo dục-đào tạo đại học, đào tạo thực hành và đào tạo nghề, theo hướng:

- Đảm bảo sự cân đối trong các ngành học ở bậc đại học. Bởi hiện nay đang có sự khác biệt lớn giữa số lượng sinh viên theo học ở các ngành nghề: Văn hoá, nghệ thuật chỉ chiếm khoảng 1,3%, khoa học, công nghệ và kỹ thuật chỉ đạt 15,2%, kinh tế và luật 42,78%, còn lại là các ngành nghề khác. Hiện tại có thể nói là ta đang thừa cử nhân luật, kinh tế và đang thiếu nhiều kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ khoa học cơ bản.

(3) Khắc phục sự mất cân đối cơ cấu đào tạo: Đại học, cao đẳng-trung cấp chuyên nghiệp - công nhân. Bởi tỷ lệ người tốt nghiệp cơ cấu đào tạo ở VN hiện đang ngược so với thế giới. Trong khi trên thế giới, tỷ lệ lao động có trình độ đại học-trung cấp-công nhân là 1-4-10, thì ở VN là 1-0,98-3,02. Công tác đào tạo nghề chưa được quan tâm đúng mức, Hệ thống quản lý đào tạo nghề manh mún, phân tán dưới sự quản lý của nhiều cơ quan khác nhau. Phương thức đào tạo có nhiều khiếm khuyết. Đào tạo thợ: Lý thuyết nhiều hơn tay nghề, các doanh nghiệp khi sử dụng phải đào tạo lại. Trung cấp chuyên nghiệp: nửa thầy, nửa thợ, thầy cũng không làm được mà thợ thì cũng không

xong. Cao đẳng đại học: khoa học cơ bản chưa đủ, khoa học ứng dụng cũng yếu⁷.

Ba là, “đổi mới cơ chế quản lý, giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt”. Ở đây, chúng ta thấy: (1) Quản lý giáo dục và đào tạo thiếu tính “tập trung thống nhất” mà phân tán dưới sự quản lý của nhiều cơ quan khác nhau (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo; các bộ chuyên ngành và các địa phương). Điều này được phản ánh như sau: Trong số 376 trường đại học, cao đẳng trong cả nước thì Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý 54 trường (14,4%), các Bộ ngành khác quản lý 116 trường (30,8%), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quản lý chừng 125 trường (33,3%) và có 81 trường dân lập, tư thục (21,5%); (2) Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, không ít những người làm công tác lãnh đạo, quản lý giáo dục, đào tạo các cấp, những người trực tiếp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo còn thiếu tri thức và tầm nhìn còn hạn chế cộng với đào đức nghề nghiệp xuống cấp, nên việc lãnh đạo và quản lý lĩnh vực phát triển giáo dục và nguồn lực con người nhìn chung còn dưới tầm so với đòi hỏi của yêu cầu và nhiệm vụ; (3) Về đội ngũ giáo viên, giảng viên có thể nói là thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ giáo viên phổ thông loại khá chỉ đạt 15% còn lại là trung bình và kém. đội ngũ giảng viên đại học và cao đẳng tuy có tăng đều qua các năm gần đây: năm 1997 có 20.112 giảng viên, đến năm 2005 có 48.541 người, năm 2010 là 74.573 người, trong

đó, người có học vị tiến sĩ là 7.924 người, thạc sĩ: 30.374 người, có 2.286 giáo sư và phó giáo sư⁸. Từ đây, cho thấy muốn nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo thì vấn đề mấu chốt là phải phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên, nhất là nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, bởi có thầy giỏi mới đào tạo được những thợ giỏi. Do vậy phải: (i) Xây dựng tiêu chuẩn, chuẩn hoá giảng viên cho từng cấp học; (ii) Xây dựng tiêu chí đánh giá và thực hiện đánh giá thành tích của giảng viên một cách khách quan, trung thực nhằm tạo động lực, kích thích sự học hỏi, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao kiến thức thực tế, năng lực dùng tiếng nước ngoài và phấn đấu vươn lên trong tập thể giảng viên; và (iii) Thực hiện thu hút và đãi ngộ thỏa đáng đối với những giáo viên giỏi nghiệp vụ và giàu kinh nghiệm thực tế ...

Bốn là, tập trung đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo

Để thực sự “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu” phải có đầu tư tương xứng cho giáo dục, đào tạo, tức là đầu tư cho phát triển, đầu vào tài nguyên con người, đào tạo NNL có năng lực, trí tuệ, tay nghề cao, có khả năng tiếp nhận và sáng tạo tri thức và công nghệ mới, có năng lực hội nhập quốc tế ...

Mục tiêu của đầu tư vào lĩnh vực giáo dục – đào tạo là đào tạo đón đầu, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của người lao động, phát triển đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý có trình độ cao ... nắm bắt được sự thay đổi nhanh chóng của sự phát triển khoa học, công nghệ trên thế giới. Tăng cường đầu tư cho giáo

dục và đào tạo theo hướng: (a) Đầu tư để đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn VN; (b) Đầu tư để nâng cao năng lực quản lý giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp và cán bộ quản lý giáo dục; (c) Tăng cường đầu tư cho giáo dục, đào tạo nghề, kể cả tái đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu thị trường sức lao động. Tăng đầu tư cho giáo dục bằng nhiều nguồn khác nhau, trong đó cùng với đầu tư từ ngân sách, cần huy động nhiều hơn, tốt hơn sức dân qua xã hội hoá (theo đúng nghĩa) giáo dục và đào tạo, xây dựng xã hội học tập và làm việc. Khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, tạo cơ chế và điều kiện để các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề chuyển mạnh sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (từ khoá: giáo dục và đào tạo, NNL, phát triển NNL)●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chiến lược phát triển giáo dục VN 2009-2020* (Dự thảo lần thứ 14), 30/2/2008.
- Đảng Cộng sản VN: *Văn kiện Đại hội lần thứ XI*, NXB CTQG, H.2011.
- Chu Văn Cấp (2012), “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững”, *T/C Khoa học chính trị*, số 2/2012.
- Nguyễn Kế Tuấn (CB, 2011), *Kinh tế VN năm 2010: Nhìn lại mô hình tăng trưởng giai đoạn 2001-2009*, NXB ĐHKQTĐ, H., tr.111-117, tr.165 và tr.235.
- Trần Thọ Đạt (2010), *Tăng trưởng kinh tế thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*, NXB ĐHKQTĐ, H., tr.114-117, và tr.217.
- Vũ Văn Phúc (2011), *Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XI của Đảng*.

7. GS.TS Nguyễn Kế Tuấn (CB, 2011): *Kinh tế VN năm 2010. Nhìn lại mô hình tăng trưởng giai đoạn 2001-2010*, Nxb ĐHKQTĐ, H.2011, tr.114, 115.

8. Nguyễn Anh Tú. *Tóm tắt luận án tiến sĩ kinh tế*, năm 2012.